

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 34



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

#### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tiền thân là Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, được thành lập năm 1997, là đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 02 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 10 tháng 11 năm 2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 18 tháng 5 năm 2012 về việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 3600977120; thay đổi danh sách và tỷ lệ góp vốn của cổ đông sáng lập;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 5 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ VND thành 50 tỷ VND, thay đổi tỷ lệ góp vốn;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 4 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ VND thành 75 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (0613) 560 574
- Fax : (0613) 560 031

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM vào ngày 09 tháng 4 năm 2012 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: NTW
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 7.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 75.000.000.000 VND.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp, phân phối nước sạch);
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước).

#### 2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm tài chính này và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

0044  
CÔNG  
CH NGHIỆP  
KIỂM  
C VI  
- TP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC****Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Dương Đại	Thành viên
Ông Ngô Chí Quốc	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Bình	Thành viên

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm thay đổi trong năm tài chính
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Văn Thùy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Ngô Dương Đại	Phó Giám đốc
Ông Võ Quang Hồng	Phó Giám đốc

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty phải:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

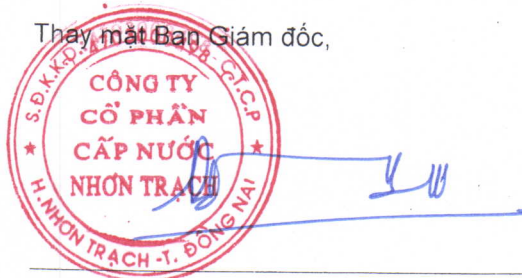
Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 7. Công bố các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**NGUYỄN ANH TUẤN**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2017



Số: 132/2016/BCKT-HCM.00771

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 18 tháng 01 năm 2016.



**TRANG ĐÁC NHA**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2017

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>141.310.137.336</b>	<b>149.718.442.319</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>59.128.275.285</b>	<b>84.586.927.173</b>
Tiền	111		2.425.511.430	6.905.833.363
Các khoản tương đương tiền	112		56.702.763.855	77.681.093.810
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>73.026.108.193</b>	<b>54.934.466.144</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	33.967.436.161	33.401.932.163
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	449.053.741	3.378.928.395
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	40.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	925.115.517	469.102.812
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2.315.497.226)	(2.315.497.226)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.516.969.927</b>	<b>8.462.948.259</b>
Hàng tồn kho	141	5.7	7.516.969.927	8.462.948.259
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.638.783.931</b>	<b>1.734.100.743</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.274.646.075	1.218.916.283
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	364.137.856	515.184.460
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>61.007.426.294</b>	<b>52.587.410.485</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>58.174.831.663</b>	<b>38.268.184.079</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	58.172.331.663	38.250.684.079
Nguyên giá	222		148.377.295.657	117.158.638.543
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.204.963.994)	(78.907.954.464)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	2.500.000	17.500.000
Nguyên giá	228		45.000.000	45.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.500.000)	(27.500.000)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.832.594.631</b>	<b>14.319.226.406</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	2.832.594.631	14.319.226.406
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>202.317.563.630</b>	<b>202.305.852.804</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>23.450.305.031</b>	<b>24.868.350.860</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>23.450.305.031</b>	<b>24.868.350.860</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	8.270.384.071	8.092.583.170
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.014.050	357.897.681
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	298.202.490	179.955.966
Phải trả người lao động	314	5.13	3.088.569.736	4.880.953.237
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	261.719.708	537.483.022
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.15	11.511.414.976	10.819.477.784
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>178.867.258.599</b>	<b>177.437.501.944</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>178.867.258.599</b>	<b>177.437.501.944</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		75.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.043.138.411	6.043.138.411
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		40.839.064.343	64.187.545.741
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		56.985.055.845	57.206.817.792
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		37.912.869.427	24.130.748.472
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		19.072.186.418	33.076.069.320
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>202.317.563.630</b>	<b>202.305.852.804</b>



**NGUYỄN VĂN HOÀN**  
Người lập biểu



**ĐẶNG THỊ THU HẰNG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN ANH TUẤN**

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	6.1.1	<b>131.305.855.522</b>	<b>122.711.812.461</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	13.291.225	12.416.484
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>131.292.564.297</b>	<b>122.699.395.977</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.3	<b>102.742.612.387</b>	<b>76.499.796.101</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>28.549.951.910</b>	<b>46.199.599.876</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.817.938.487	4.102.798.837
Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	1.496.573.036	828.936.399
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	7.931.384.987	7.058.232.425
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>23.939.932.374</b>	<b>42.415.229.889</b>
Thu nhập khác	31	6.7	235.149.107	3.793.686.464
Chi phí khác	32	6.8	251.848.459	3.743.728.218
<b>Lợi nhuận/(lỗ) khác</b>	<b>40</b>		<b>(16.699.352)</b>	<b>49.958.246</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>23.923.233.022</b>	<b>42.465.188.135</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.12	4.851.046.604	9.434.816.087
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>19.072.186.418</b>	<b>33.030.372.048</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9.1	2.543	4.052



**NGUYỄN VĂN HOÀN**  
Người lập biểu



**ĐẶNG THỊ THU HẰNG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN ANH TUẤN**  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	23.923.233.022	42.465.188.135
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.312.009.530	10.615.852.330
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	04	-	-
Chi phí lãi vay	05	(4.817.938.487)	(4.102.798.837)
Các khoản điều chỉnh khác	06	-	-
	07	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>30.417.304.065</b>	<b>48.978.241.628</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	2.536.270.758	(5.814.810.184)
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	945.978.332	1.123.705.899
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.285.069.700)	3.242.009.549
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	-	-
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.700.000.000)	(10.705.525.038)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.950.492.571)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>24.963.990.884</b>	<b>36.823.621.854</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(19.732.025.339)	(19.481.419.607)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(20.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.285.342.492	4.102.798.837
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(35.446.682.847)</b>	<b>(15.378.620.770)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.975.959.925)	(12.402.761.725)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(14.975.959.925)</b>	<b>(12.402.761.725)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>(25.458.651.888)</b>	<b>9.042.239.359</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>84.586.927.173</b>	<b>75.544.687.814</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	<b>59.128.275.285</b>	<b>84.586.927.173</b>

**NGUYỄN VĂN HOÀN**  
Người lập biểu

**ĐẶNG THỊ THU HẰNG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN ANH TUẤN**  
Giám đốc  
Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2017



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM vào ngày 09 tháng 4 năm 2012 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: NTW.
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 7.500.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 75.000.000.000 VND.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp, phân phối nước sạch);
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước).

### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 85 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 83 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam "VND" do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

#### 4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm kế toán.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.10 Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### 4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.





## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### **4.14 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.15 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty /đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt - VND	176.864.673	82.389.847
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	2.248.646.757	6.823.443.516
Các khoản tương đương tiền - VND (*)	56.702.763.855	77.681.093.810
	<b>59.128.275.285</b>	<b>84.586.927.173</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi từ 01 tháng đến 03 tháng. Lãi suất tiền gửi từ 4% đến 5%/năm.

**5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai		
Phải thu bán tài sản cố định	16.466.323.376	16.466.323.376
Phải thu cải tạo sửa chữa hàng rào Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch	8.391.405	8.391.405
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Phải thu tiền nước		
Phải thu tiền nước tháng 12/2016	11.401.042.952	-
Phải thu tiền nước tháng 12/2015	-	10.616.439.827
Phải thu tiền nước tồn của các tháng trước	24.161.325	20.566.259
Phải thu tiền lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và đồng hồ nước		
Ban quản lý dự án huyện Nhơn Trạch	2.348.729.836	2.534.539.008
Công ty TNHH Vạn Phúc	2.271.119.074	2.271.119.074
Ủy Ban Nhân Dân Xã Phú Hữu	847.017.620	961.941.735
Hợp tác xã Dịch vụ Nông Nghiệp Đại Phước	341.982.600	341.982.600
Khách hàng khác	258.667.973	180.628.879
	<b>33.967.436.161</b>	<b>33.401.932.163</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		
Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Đức Anh		
	-	269.016.782
Công ty TNHH Anh Ngôn		
	177.111.000	177.111.000
Công ty Cổ phần công nghệ nước Nam An Xanh		
	82.500.000	-
Công ty Cổ phần Ngọc Tích Đồng Nai		
	68.740.000	68.740.000
Công ty TNHH TM và DV KT Đức Hùng		
	-	764.943.863
Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng Đồng Nai		
	-	312.304.187
Công ty TNHH Tân Bửu Long		
	-	1.504.500.000
Các nhà cung cấp khác		
	120.702.741	282.312.563
	<b>449.053.741</b>	<b>3.378.928.395</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai (**)	20.000.000.000	-
	<b>40.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

(\*) Là khoản tiền cho Công ty mẹ – Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai vay theo hợp đồng vay số 38/2016/HĐ-NTW ngày 09 tháng 11 năm 2016, thời hạn cho vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 4,6%/năm. Không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh cho khoản cho vay.

(\*\*) Là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai vay theo hợp đồng vay số 530/DVXDCN ngày 25 tháng 09 năm 2016, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 01 tháng 10 năm 2017, lãi suất cho vay là 7%/năm. Không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh cho khoản cho vay.

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai				
Phải thu phí di dời trụ cứu hỏa	82.260.000	-	82.260.000	-
Phải thu lãi cho vay dự thu	135.444.444	-	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai				
Phải thu lãi cho vay dự thu	7.777.778	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dự thu	389.373.773	-	-	-
Tòa Án Nhân Dân huyện Nhơn Trạch	4.427.775	-	50.335.547	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp nộp thừa	76.182.309	-	67.944.827	-
Tạm ứng	140.625.000	-	179.538.000	-
Ký cược, ký quỹ	89.024.438	-	89.024.438	-
	<b>925.115.517</b>	<b>-</b>	<b>469.102.812</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	31/12/2016			01/01/2016		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
<b>Phải thu thương mại</b>						
Công ty TNHH Vạn Phúc						
Phải thu phí lắp đặt hệ thống cấp nước	Trên 3 năm	2.271.119.074	-	Trên 3 năm	2.271.119.074	-
Ông Lê Văn Tùng						
Phải thu phí lắp đặt hệ thống cấp nước	Trên 3 năm	44.378.152	-	Trên 3 năm	44.378.152	-
		<b>2.315.497.226</b>	<b>-</b>		<b>2.315.497.226</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<b>Nợ phải thu thương mại</b> VND
Tại ngày 01/01/2016	2.315.497.226
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>2.315.497.226</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b> VND	<b>Dự phòng</b> VND	<b>Giá gốc</b> VND	<b>Dự phòng</b> VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.092.650.715	-	8.057.624.161	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	424.319.212	-	405.324.098	-
	<b>7.516.969.927</b>	<b>-</b>	<b>8.462.948.259</b>	<b>-</b>

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b> VND	<b>Máy móc thiết bị</b> VND	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b> VND	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b> VND	<b>Cộng</b> VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2016	25.176.558.249	22.878.914.816	68.715.274.378	387.891.100	117.158.638.543
Mua trong năm	160.500.000	1.818.911.969	-	709.424.155	2.688.836.124
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	17.227.393.055	6.005.455	11.328.620.927	-	28.562.019.437
Giảm khác	-	-	(32.198.447)	-	(32.198.447)
Tại ngày 31/12/2016	42.564.451.304	24.703.832.240	80.011.696.858	1.097.315.255	<b>148.377.295.657</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2016	18.451.588.130	15.677.985.421	44.521.195.370	257.185.543	78.907.954.464
Khấu hao trong năm	3.076.219.160	2.154.191.924	5.981.116.126	85.482.320	11.297.009.530
Tại ngày 31/12/2016	21.527.807.290	17.832.177.345	50.502.311.496	342.667.863	<b>90.204.963.994</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2016	6.724.970.119	7.200.929.395	24.194.079.008	130.705.557	38.250.684.079
Tại ngày 31/12/2016	21.036.644.014	6.871.654.895	29.509.385.362	754.647.392	<b>58.172.331.663</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2016	12.017.123.694	10.487.122.823	14.616.718.807	247.891.100	37.368.856.424
Tại ngày 31/12/2016	12.017.123.694	11.653.595.864	18.557.057.559	247.891.100	<b>42.475.668.217</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phân mềm kế toán VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2016	45.000.000
Tại ngày 31/12/2016	<b>45.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2016	27.500.000
Khấu hao trong năm	15.000.000
Tại ngày 31/12/2016	<b>42.500.000</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2016	17.500.000
Tại ngày 31/12/2016	<b>2.500.000</b>

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2016 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2016 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>				
Công trình hệ thống cấp nước KCN Nhơn Trạch công suất 2500 m <sup>3</sup> /ngày	411.194.417	1.486.067.245	-	1.897.261.662
Công trình xây mới văn phòng công ty	10.371.725.927	7.292.833.635	16.984.993.125	679.566.437
Công trình tuyến ống cấp nước DN200 Đường ĐT 769 - Xã Phú Hội	3.485.909.380	2.293.171.619	5.779.080.999	-
Công trình lắp đặt 2 giếng mới trạm Đại Phước	-	236.130.171	-	236.130.171
Khác	50.396.682	5.767.184.992	5.797.945.313	19.636.361
	<b>14.319.226.406</b>	<b>17.075.387.662</b>	<b>28.562.019.437</b>	<b>2.832.594.631</b>

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	6.624.075.890	5.532.015.258
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai	-	1.727.074.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Anh	1.108.842.213	-
Các nhà cung cấp khác	537.465.968	833.493.912
	<b>8.270.384.071</b>	<b>8.092.583.170</b>

**Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm		31/12/2016	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(515.184.460)	4.851.046.604	(4.700.000.000)	-	(364.137.856)
Thuế thu nhập cá nhân	4.599.440	-	918.676.734	(866.026.186)	57.249.988	-
Thuế tài nguyên	126.545.366	-	2.017.956.751	(1.954.440.255)	190.061.862	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	48.811.160	-	202.910.560	(200.831.080)	50.890.640	-
<b>Cộng</b>	<b>179.955.966</b>	<b>(515.184.460)</b>	<b>7.993.590.649</b>	<b>(7.718.297.521)</b>	<b>298.202.490</b>	<b>(364.137.856)</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.923.233.022	42.465.188.135
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không tham gia điều hành	332.000.000	175.500.000
- Phạt hành chính thuế	-	175.628.773
- Khác	-	69.210.760
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	24.255.233.022	42.885.527.668
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>4.851.046.604</b>	<b>9.434.816.087</b>

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.13 Phải trả người lao động**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền lương phải trả	3.088.569.736	2.800.000.000
Quỹ lương dự phòng	-	2.080.953.237
	<b>3.088.569.736</b>	<b>4.880.953.237</b>

**5.14 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	139.388.000	115.347.925
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	122.331.708	422.135.097
	<b>261.719.708</b>	<b>537.483.022</b>

**Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**5.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2016 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2016 VND
Quỹ khen thưởng	6.257.311.637	660.607.441	(17.500.000)	6.900.419.078
Quỹ phúc lợi	4.558.244.596	990.911.161	(942.992.571)	4.606.163.186
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	3.921.551	990.911.161	(990.000.000)	4.832.712
	<b>10.819.477.784</b>	<b>2.642.429.763</b>	<b>(1.950.492.571)</b>	<b>11.511.414.976</b>

**5.16 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")****5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày</b>					
<b>01/01/2015</b>	50.000.000.000	6.043.138.411	62.082.330.312	42.104.308.589	160.229.777.312
Lãi trong trong năm	-	-	-	33.030.372.048	33.030.372.048
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.105.215.430)	(2.105.215.430)
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý	-	-	-	(1.263.129.258)	(1.263.129.258)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.105.215.429	(2.105.215.429)	-
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Tăng khác	-	-	-	45.697.272	45.697.272
<b>Số dư tại ngày</b>					
<b>31/12/2015</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>6.043.138.411</b>	<b>64.187.545.741</b>	<b>57.206.817.792</b>	<b>177.437.501.944</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư tại ngày</b>					
<b>01/01/2016</b>	50.000.000.000	6.043.138.411	64.187.545.741	57.206.817.792	177.437.501.944
Tăng vốn trong năm	25.000.000.000	-	(25.000.000.000)	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	19.072.186.418	19.072.186.418
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.651.518.602)	(1.651.518.602)
Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý	-	-	-	(990.911.161)	(990.911.161)
Trích lập các quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.651.518.602	(1.651.518.602)	-
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày</b>					
<b>31/12/2016</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>6.043.138.411</b>	<b>40.839.064.343</b>	<b>56.985.055.845</b>	<b>178.867.258.599</b>

**5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu****Cổ đông**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp				
Nước Đồng Nai	39.328.020.000	52,44%	26.218.680.000	52,44%
AMERICA LLC	9.811.990.000	13,08%	7.612.000.000	15,22%
Các cổ đông khác	25.859.990.000	34,48%	16.169.320.000	32,34%
	<b>75.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ 50 tỷ VND lên 75 tỷ VND và Nghị Quyết số 01/2015/NQLYK-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 10 năm 2015 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), số cổ phiếu phát hành thêm trong năm là 2.500.000 cổ phiếu. Chi tiết phát hành như sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua.
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Tỷ lệ phát hành (tỷ lệ hiện quyền) 2:1. Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phần được nhận 01 quyền nhận cổ phiếu. Cứ 02 quyền nhận cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu mới.

**5.17 Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.500.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.500.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.500.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.500.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND		



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.18 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 26 tháng 05 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	15.000.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.651.518.602
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	990.911.161
• Trích quỹ đầu tư phát triển	1.651.518.602

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	129.162.737.400	118.189.700.117
Doanh thu hoạt động xây lắp	2.143.118.122	4.522.112.344
	<b>131.305.855.522</b>	<b>122.711.812.461</b>

Doanh thu của thành phẩm đã tiêu thụ, dịch vụ đã cung cấp, các công trình xây dựng đã hoàn thành.

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hàng bán bị trả lại	13.291.225	12.416.484
	<b>13.291.225</b>	<b>12.416.484</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu hoạt động cấp nước	101.075.910.027	72.678.344.505
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.666.702.360	3.821.451.596
	<b>102.742.612.387</b>	<b>76.499.796.101</b>

Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ, dịch vụ đã cung cấp, các công trình xây dựng đã hoàn thành.

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	3.364.716.265	3.290.021.059
Lãi tiền cho vay	1.453.222.222	812.777.778
	<b>4.817.938.487</b>	<b>4.102.798.837</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	93.367.500	19.929.500
Chi phí vật liệu, bao bì	1.369.935.900	803.203.899
Chi phí bán hàng khác	33.269.636	5.803.000
	<b>1.496.573.036</b>	<b>828.936.399</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.171.895.518	5.575.886.955
Chi phí vật liệu quản lý	139.756.500	161.086.074
Chi phí đồ dùng văn phòng	287.824.046	133.003.227
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.482.320	37.672.222
Chi phí nhiên liệu	143.043.167	134.336.946
Chi phí tư vấn chuyên nghiệp	88.885.676	57.500.000
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô	89.885.184	68.847.144
Chi phí tiếp khách, tiệc, hội nghị	453.358.545	381.875.309
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	456.254.031	508.024.548
	<b>7.931.384.987</b>	<b>7.058.232.425</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập từ chuyển nhượng vật tư	229.809.840	3.615.813.081
Khác	5.339.267	177.873.383
	<b>235.149.107</b>	<b>3.793.686.464</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí từ chuyển nhượng vật tư	226.542.909	3.498.888.685
Phạt hành chính thuế	-	175.628.773
Khác	25.305.550	69.210.760
	<b>251.848.459</b>	<b>3.743.728.218</b>

**6.9 Lãi trên cổ phiếu****6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.072.186.418	33.030.372.048
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.651.518.602)
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	(990.911.161)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.072.186.418	30.387.942.285
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.500.000	7.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.543</b>	<b>4.052</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(\*) Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch chia lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp nên các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong năm này chưa thể xác định.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ đầu tư phát triển trong năm	2.500.000	2.500.000
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>7.500.000</b>	<b>7.500.000</b>

Trong năm 2016, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển với giá trị là 25 tỷ VND (tương ứng với 2.500.000 cổ phiếu). Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này, bên cạnh đó điều chỉnh các khoản các lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông do trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 6.606 VND xuống còn 4.052 VND.

#### 6.9.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

#### 6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.749.433.115	5.288.304.272
Chi phí nhân công	15.510.210.476	16.449.827.439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.312.009.530	10.615.852.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.394.521.010	48.423.322.559
Chi phí khác	3.223.391.393	3.653.017.811
	<b>112.189.565.524</b>	<b>84.430.324.411</b>

#### 7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1995  
TY  
HỮU  
TOÁN  
T NAI  
CỔ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### *i. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

##### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

#### *ii. Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### *Cho vay*

Công ty có cho công ty mẹ vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>			
Phải trả người bán	8.270.384.071	-	8.270.384.071
Các khoản phải trả, phải nộp khác	122.331.708	-	122.331.708
	<b>8.392.715.779</b>	<b>-</b>	<b>8.392.715.779</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Phải trả người bán	8.092.583.170	-	8.092.583.170
Các khoản phải trả, phải nộp khác	422.135.097	-	422.135.097
	<b>8.514.718.267</b>	<b>-</b>	<b>8.514.718.267</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2015.

**iv. Giá trị hợp lý**

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	17.492.721.380	16.927.217.382	15.177.224.154	14.620.111.561
Phải thu các bên liên quan	56.700.197.003	36.556.974.781	56.700.197.003	36.548.583.376
Các khoản phải thu khác	478.398.211	89.024.438	478.398.211	89.024.438
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.128.275.285	84.586.927.173	59.128.275.285	84.586.927.173
<b>Tổng cộng</b>	<b>133.799.591.879</b>	<b>138.160.143.774</b>	<b>131.484.094.653</b>	<b>135.844.646.548</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được Xác định theo giá trị phân bổ				
Phải trả các bên liên quan	6.624.075.890	7.259.089.258	6.624.075.890	7.259.089.258
Phải trả người bán	1.646.308.181	833.493.912	1.646.308.181	833.493.912
Phải trả khác	122.331.708	422.135.097	122.331.708	422.135.097
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.392.715.779</b>	<b>8.514.718.267</b>	<b>8.392.715.779</b>	<b>8.514.718.267</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

**Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

**Nợ phải trả tài chính phi phát sinh**

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hội đồng quản trị		
Thù lao của Hội đồng quản trị	324.000.000	198.000.000
Tiền thưởng	360.000.000	357.500.000
Ban kiểm soát		
Thù lao	300.968.120	72.000.000
Tiền thưởng	100.000.000	121.000.000
Ban Giám đốc		
Tiền lương	1.595.410.805	1.437.531.452
Tiền thưởng	50.000.000	58.300.000
Các khoản phúc lợi khác	-	22.020.000
Kế toán trưởng		
Tiền lương	317.763.805	369.597.662
Tiền thưởng	40.000.000	33.000.000
Các khoản phúc lợi khác	-	6.780.000
	<b>3.088.142.730</b>	<b>2.675.729.114</b>

**8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai</b>			
	Mua nước	71.097.807.528	43.110.669.940
	Trả cổ tức	7.865.604.000	6.554.670.000
	Cho vay	-	10.000.000.000
	Lãi cho vay	1.095.444.444	812.777.778
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai</b>			
	Cho vay tiền	20.000.000.000	-
	Lãi cho vay	357.777.778	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác được trình bày như sau:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai</b>			
	Phải thu thương mại – Xem thêm mục 5.2		
	Bán tài sản cố định	16.466.323.376	16.466.323.376
	Phải thu cải tạo sửa chữa hàng rào		
	Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch	8.391.405	8.391.405
	Phải thu về cho vay - Xem thêm mục 5.4	20.000.000.000	20.000.000.000
	Phải thu khác – Xem thêm mục 5.5		
	Phải thu di dời trạm cứu hỏa	82.260.000	82.260.000
	Phải thu lãi cho vay	135.444.444	-
	Phải trả thương mại - Xem thêm mục 5.11		
	Phải trả tiền mua nước	(6.624.075.890)	(5.532.015.258)
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai</b>			
	Phải thu về cho vay - Xem thêm mục 5.4	20.000.000.000	20.000.000.000
	Phải thu khác – Xem thêm mục 5.5	7.777.778	-
	Phải trả thương mại – Xem thêm mục 5.11		-(1.727.074.000)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**8.2 Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất và kinh doanh nước tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

**8.3 Số liệu so sánh**

Ảnh hưởng của việc sai sót kế toán đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

Bảng kết quả kinh doanh		Năm 2015		Năm 2015
		Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh	
		VND	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.606	(2.554)	4.052



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Trong năm 2016, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển với giá trị là 25 tỷ VND (tương ứng với 2.500.000 cổ phiếu). Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này, bên cạnh đó điều chỉnh các khoản các lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông do trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 6.606 VND xuống còn 4.052 VND.

#### 8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**NGUYỄN VĂN HOÀN**  
Người lập



**ĐẶNG THỊ THU HẰNG**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN ANH TUẤN**  
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2017

